



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học chính quy - Đợt tháng 04/2024

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét công nhận tốt nghiệp ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 134 (Một trăm ba mươi bốn) sinh viên trình độ đại học chính quy, cụ thể như sau:

- 114 bằng cử nhân cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh;
- 11 bằng kỹ sư cho sinh viên ngành Công nghệ KT-điện tử viễn thông;
- 07 bằng kỹ sư cho sinh viên ngành Quản lý hoạt động bay;
- 02 bằng kỹ sư cho sinh viên ngành Kỹ thuật Hàng không;

(Kèm theo danh sách 134 sinh viên).



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT,ĐT



TS.Nguyễn Thị Hải Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - ĐỢT THÁNG 04/2024

(Đính kèm quyết định số: **463** /QĐ-HVHKVN ngày **15** /04/2024)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1853020007	Nguyễn Trường	Đăng	11/09/2000	18ĐHĐT01	3.01	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1953020038	Nguyễn Quang	Huy	02/11/2001	19ĐHĐT01	2.81	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1953020021	Nguyễn Hoàng	Ngọc	09/03/2001	19ĐHĐT01	2.58	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1953020084	Đỗ Trang	Nguyễn	05/09/2001	19ĐHĐT01	2.53	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1953020071	Phan Hồng	Doanh	06/10/2001	19ĐHĐT02	2.88	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1953020073	Nguyễn Thị Hương	Duyên	14/11/2001	19ĐHĐT02	2.65	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1953020046	Nguyễn Thị	Hệ	28/04/2001	19ĐHĐT02	2.75	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1953020074	Nguyễn Gia	Huy	14/09/2001	19ĐHĐT02	2.93	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1953020064	Ngô Đăng	Lộc	27/05/2001	19ĐHĐT02	2.66	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1953020053	Lưu Từ Đỗ	Quyên	28/05/2001	19ĐHĐT02	3.15	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1953020041	Đỗ Thị Hoài	Trang	24/10/2000	19ĐHĐT02	2.71	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1951200021	Lê Văn Bá	Ngọc	27/07/2001	19ĐHKT01	2.87	Khá	Kỹ thuật Hàng không
13	1951200030	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	02/09/2001	19ĐHKT01	3.19	Khá	Kỹ thuật Hàng không
14	1956060001	Nguyễn Thanh	Chúc	19/07/2001	19ĐHKL01	3.11	Khá	Quản lý hoạt động bay
15	1956060004	Trần Thị Ngọc	Diễm	18/11/2001	19ĐHKL01	3.66	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
16	1956060021	Vũ Minh	Đức	15/05/2001	19ĐHKL01	3.12	Khá	Quản lý hoạt động bay
17	1956060006	Đỗ Hồng	Nam	24/08/2001	19ĐHKL01	3.16	Khá	Quản lý hoạt động bay
18	1956060036	Phan Thị Thanh	Nhàn	08/07/2001	19ĐHKL01	3.76	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
19	1551200014	Phan Châu Khánh	Linh	14/06/1997	QLB-K9	2.58	Khá	Quản lý hoạt động bay
20	1551200044	Vũ Bảo	Trần	01/01/1997	QLB-K9	3.27	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
21	1751010147	Đỗ Hữu	Thắng	10/04/1999	17ĐHQTC	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
22	1751010181	Nguyễn Thị Mai	Nương	19/05/1999	17ĐHQTDL	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
23	1751010221	Ngô Thị Khánh	Ninh	23/09/1999	17ĐHQTTTH	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
24	1851010021	Trần Thị Ngọc	Ánh	21/04/2000	18ĐHQTC1	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
25	1851010017	Hồ Nhất	Khang	25/08/2000	18ĐHQTC1	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
26	1851010227	Bùi Thị Diệu	Loan	21/04/2000	18ĐHQTC2	3.21	Giỏi	Quản trị kinh doanh
27	1851010289	Lư Ngọc Bảo	Trần	01/01/2000	18ĐHQTDL	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
28	1851010303	Đỗ Thị Yến	Vì	11/03/2000	18ĐHQTDL	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
29	1851010077	Nguyễn Duy	Khánh	19/04/2000	18ĐHQTVT1	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
30	1951010071	Phạm Thị Thúy	Hằng	20/01/2001	19ĐHQTC1	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
31	1951010412	Lê Trịnh Minh	Hiếu	10/07/2001	19ĐHQTC1	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
32	1951010101	Lê Anh	Thư	27/09/2001	19ĐHQTC1	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
33	1951010032	Nguyễn Thủy	Tiên	30/04/2001	19ĐHQTC1	3.31	Giỏi	Quản trị kinh doanh
34	1951010111	Phan Vĩnh	Thành	24/08/2001	19ĐHQTC2	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
35	1951010281	Phạm Nguyễn Trâm	Anh	17/10/2001	19ĐHQTTTH1	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
36	1951010420	Trương Thị Hồng	Nhung	21/12/2001	19ĐHQTTTH2	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
37	1951010423	Vũ Minh	Thư	07/03/2001	19ĐHQTTTH2	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
38	1951010089	Trần Thị Phương	Thảo	27/01/2001	19ĐHQTVT1	3	Khá	Quản trị kinh doanh
39	1951010093	Hoàng Thanh	Vy	28/06/2001	19ĐHQTVT1	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
40	1951010276	Lê Văn	Cường	11/07/2001	19ĐHQTVT2	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
41	1951010211	Trần Hữu	Nghị	04/02/2001	19ĐHQTVT2	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
42	1951010224	Vũ Bảo Quỳnh	Như	22/08/2001	19ĐHQTVT2	2.62	Khá	Quản trị kinh doanh
43	2051010175	Trần Trâm	Anh	23/11/2002	20ĐHQTC1	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh
44	2051010008	Nguyễn Lê Mai	Diệu	02/12/2002	20ĐHQTC1	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
45	2051010033	Đoàn Ngọc Khánh	Đoan	24/05/2002	20ĐHQTC1	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
46	2051010001	Nguyễn Bảo	Hân	10/08/2002	20ĐHQTC1	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
47	2051010063	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	24/05/2002	20ĐHQTC1	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
48	2051010030	Võ Nguyễn Khánh	Linh	09/10/2002	20ĐHQTC1	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh
49	2051010028	Huỳnh Ngọc Trà	My	25/09/2002	20ĐHQTC1	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
50	2051010404	Cao Nguyễn Thùy	Trần	08/04/2002	20ĐHQTC1	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
51	2051010120	Trương Thanh	Trúc	15/09/2002	20ĐHQTC1	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
52	2051010368	Nguyễn Đình Phương	Vy	22/04/2002	20ĐHQTC1	3.41	Giỏi	Quản trị kinh doanh
53	2051010281	Vũ Ngọc Minh	Anh	10/11/2002	20ĐHQTC2	3.33	Giỏi	Quản trị kinh doanh
54	2051010377	Trần Quốc	Danh	11/02/2002	20ĐHQTC2	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
55	2051010262	Hoàng Thị Thu	Duyên	19/03/2002	20ĐHQTC2	3.42	Giỏi	Quản trị kinh doanh
56	2051010394	Lê Phương	Nghi	10/10/2002	20ĐHQTC2	3.56	Giỏi	Quản trị kinh doanh
57	2051010337	Nguyễn Thị Mát	Ngọc	29/05/2002	20ĐHQTC2	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
58	2051010405	Trần Hoàn Yến	Nhi	17/06/2002	20ĐHQTC2	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
59	2051010383	Nguyễn Đoàn Vĩnh	Phúc	17/11/2002	20ĐHQTC2	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
60	2051010291	Trần Trần Kim	Qua	18/09/2002	20ĐHQTC2	3.4	Giỏi	Quản trị kinh doanh
61	2051010440	Nguyễn Lê Trung	Quân	28/09/2002	20ĐHQTC2	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
62	2051010369	Hoàng Vĩnh	Thịnh	26/03/2002	20ĐHQTC2	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh
63	2051010417	Nguyễn Thanh	Thu	15/08/2002	20ĐHQTC2	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
64	2051010439	Lư Thiên	Thư	12/10/2002	20ĐHQTC2	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
65	2051010350	Nguyễn Thảo	Vân	24/07/2002	20ĐHQTC2	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
66	2051010116	Phạm Triều	An	07/10/2002	20ĐHQTDL	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
67	2051010161	Lê Trần Phương	Anh	17/09/2001	20ĐHQTDL	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
68	2051010272	Lê	Ngân	17/11/2002	20ĐHQTDL	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
69	2051010123	Trương Thị Thuỳ	Dương	19/03/2002	20ĐHQTTTH	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh
70	2051010129	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/03/2002	20ĐHQTTTH	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
71	2051010227	Lê Thị Hồng	Ngọc	06/03/2002	20ĐHQTTTH	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
72	2051010187	Nguyễn Yến	Nhi	09/04/2002	20ĐHQTTTH	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
73	2051010283	Lê Thanh	Thư	11/10/2002	20ĐHQTTTH	3.22	Giỏi	Quản trị kinh doanh
74	2051010011	Trần Ngọc Bích	Trần	23/08/2002	20ĐHQTTTH	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
75	2051010071	Phan Thị Thuỳ	Trang	01/01/2001	20ĐHQTTTH	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
76	2051010021	Hồ Thị Thanh	Bình	03/01/2002	20ĐHQTVT1	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
77	2051010086	Trương Thị Hồng	Diễm	01/01/2002	20ĐHQTVT1	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
78	2051010106	Lê Anh Thuỳ	Dương	22/01/2002	20ĐHQTVT1	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
79	2051010133	Lê Nguyễn Ánh	Dương	18/03/2002	20ĐHQTVT1	3.38	Giỏi	Quản trị kinh doanh
80	2051010134	Đào Kim	Hằng	05/09/2002	20ĐHQTVT1	3.21	Giỏi	Quản trị kinh doanh
81	2051010152	Trần Ngọc Ái	Hữu	23/03/2002	20ĐHQTVT1	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
82	2051010091	Hiệp Gia	Huy	15/12/2002	20ĐHQTVT1	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
83	2051010073	Lê Xuân	Lộc	13/06/2002	20ĐHQTVT1	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
84	2051010014	Trương Gia Thảo	Nguyễn	08/03/2002	20ĐHQTVT1	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh
85	2051010061	Dương Nguyễn Huyền	Thanh	18/05/2002	20ĐHQTVT1	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
86	2051010031	Nguyễn Phương	Thảo	31/12/2002	20ĐHQTVT1	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
87	2051010109	Nguyễn Hồng	Tín	24/10/2002	20ĐHQTVT1	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
88	2051010104	Trần Thị Ngọc	Tuyết	12/02/2002	20ĐHQTVT1	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
89	2051010049	Nguyễn Thị Hồng	Vân	03/09/2002	20ĐHQTVT1	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
90	2051010007	Trần Ngọc Lan	Vy	14/08/2002	20ĐHQTVT1	3.14	Khá	Quản trị kinh doanh
91	2051010155	Huỳnh Chí	Vỹ	24/06/2002	20ĐHQTVT1	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
92	2051010126	Hồ Kim	Yến	20/06/2002	20ĐHQTVT1	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh
93	2051010279	Ngô Thị Thúy	Hằng	17/10/2001	20ĐHQTVT2	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh
94	2051010241	Nguyễn Thị Lệ	Hiền	03/01/2002	20ĐHQTVT2	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
95	2051010264	Đinh Võ Thu	Huyền	27/10/2002	20ĐHQTVT2	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
96	2051010285	Đặng Thị Hoàng	Kim	11/10/2002	20ĐHQTVT2	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh
97	2051010273	Võ Nhuận	Kim	17/05/2001	20ĐHQTVT2	3.45	Giỏi	Quản trị kinh doanh
98	2051010213	Nguyễn Bình	Minh	03/08/2002	20ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
99	2051010174	Trần Phương	Như	31/07/2002	20ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
100	2051010255	Cao Thu	Phuong	24/06/2002	20ĐHQTVT2	3.56	Giỏi	Quản trị kinh doanh
101	2051010229	Võ Anh	Phuong	30/08/2002	20ĐHQTVT2	3.32	Giỏi	Quản trị kinh doanh
102	2051010190	Hoàng Thị	Thúy	25/01/2002	20ĐHQTVT2	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
103	2051010294	Nguyễn Hoàng Gia	Thy	17/09/2002	20ĐHQTVT2	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
104	2051010239	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	01/03/2002	20ĐHQTVT2	3.5	Giỏi	Quản trị kinh doanh
105	2051010370	Trần Thùy	Dung	27/04/2002	20ĐHQTVT3	3.44	Giỏi	Quản trị kinh doanh
106	2051010138	Đặng Quang	Huy	16/02/2002	20ĐHQTVT3	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
107	2051010328	Nguyễn Hoàng Thanh	Lam	23/10/2002	20ĐHQTVT3	3.47	Giỏi	Quản trị kinh doanh
108	2051010167	Nguyễn Thị Phương	Linh	12/01/2002	20ĐHQTVT3	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
109	2051010137	Nguyễn Bảo	Ngân	02/08/2002	20ĐHQTVT3	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
110	2051010316	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	21/02/2002	20ĐHQTVT3	3.32	Giỏi	Quản trị kinh doanh
111	2051010324	Phan Thị Mỹ	Ngọc	15/11/2002	20ĐHQTVT3	3.29	Giỏi	Quản trị kinh doanh
112	2051010150	Diệp Tý	Phuong	13/11/2002	20ĐHQTVT3	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
113	2051010348	Lê Thị Thanh	Phuong	21/08/2002	20ĐHQTVT3	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
114	2051010309	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	14/07/2002	20ĐHQTVT3	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh
115	2051010340	Huỳnh Thị Thu	Thảo	27/10/2002	20ĐHQTVT3	3.36	Giỏi	Quản trị kinh doanh
116	2051010271	Đỗ Minh	Thư	21/10/2002	20ĐHQTVT3	3.31	Giỏi	Quản trị kinh doanh
117	2051010298	Nguyễn Thu	Trang	08/06/2002	20ĐHQTVT3	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
118	2051010268	Hồ Thị Kiều	Trinh	22/02/2002	20ĐHQTVT3	3.54	Giỏi	Quản trị kinh doanh
119	2051010286	Lê Đức Anh	Tú	20/03/2002	20ĐHQTVT3	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
120	2051010132	Nguyễn Hoàng Như	Uyên	13/11/2002	20ĐHQTVT3	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
121	2051010343	Lê	Vân	11/11/2002	20ĐHQTVT3	3.51	Giỏi	Quản trị kinh doanh
122	2051010374	Nguyễn Ngọc Hạ	Vy	09/06/2002	20ĐHQTVT3	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
123	2051010411	Trần Đình Vân	An	02/09/2002	20ĐHQTVT4	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh
124	2051010206	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	13/12/2002	20ĐHQTVT4	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
125	2051010243	Trần Văn	Anh	26/01/2002	20ĐHQTVT4	3.35	Giỏi	Quản trị kinh doanh
126	2051010210	Huỳnh Nguyễn Mai	Ly	26/03/2002	20ĐHQTVT4	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
127	2051010022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06/08/2002	20ĐHQTVT4	3.4	Giỏi	Quản trị kinh doanh
128	2051010443	Lê Nguyễn Tuyết	Nhung	26/04/2002	20ĐHQTVT4	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
129	2051010367	Nguyễn Thị Kim	Phuong	15/11/2002	20ĐHQTVT4	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
130	2051010363	Vũ Trúc	Quỳnh	25/03/2002	20ĐHQTVT4	3.32	Giỏi	Quản trị kinh doanh
131	1651010477	Nguyễn Dạ	Thương	06/09/1998	QTKDCHK-K10	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh
132	1651010365	Nguyễn Hoàng Hiếu	Hạnh	11/01/1998	QTKDVTHK3-K10	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh
133	1651010361	Nguyễn Như Minh	Khiết	10/02/1998	QTKDVTHK3-K10	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
134	1651010373	Trần Đức	Tân	19/05/1997	QTKDVTHK3-K10	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có **134** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.